

Bản án số: 32/2021/DS-PT

Ngày: 22-01-2021

"V/v Tranh chấp yêu cầu di dời
trụ và đường dây điện "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Giao.

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước.

Ông Sỹ Danh Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Lê Thành Biên – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 22/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 389/2020/TLPT-DS ngày 14 tháng 10 năm 2020, về việc “Tranh chấp yêu cầu di dời trụ và đường dây điện”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2020/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 453/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2020, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 435/TB-TA ngày 10 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 02/2021/QĐ-PT ngày 04/01/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1964;

Địa chỉ: Ấp A, xã P.N, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông Lê Trường X1, sinh năm: 1947;

Địa chỉ: Ấp A, xã P.N, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Trường X1 là Luật sư Thái Quang T1 – Văn phòng Luật sư C.N;

Địa chỉ: Số B, N.T.M.K, Phường D, thành phố C, Đồng Tháp, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Hồng T2, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: Ấp A, xã P.N, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ông Lê Trường X1 (Là bị đơn trong vụ án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Ngày 09/11/2015, bà được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất diện tích 1.054,5m² thuộc thửa 2858, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại xã P.N, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Phần đất này thực tế bà đã sử dụng từ rất lâu, đến ngày 09/11/2015 về mặt giấy tờ bà mới nhận thừa kế.

Hiện trạng trên phần đất bà đang sử dụng có đường dây điện ba pha và một trụ điện bằng gỗ của ông Lê Trường X1 và bà Lê Thị Hồng T2 kéo qua. Đường dây điện này cha chồng bà là ông Nguyễn Tấn T3 (Tư N - đã chết năm 2009) cho ông Trường X1 kéo vào năm 2008.

Qua quá trình sử dụng, trụ điện bằng gỗ đã xuống cấp đã bị ngã đổ một lần. lại gần vách nhà của bà rất nguy hiểm nên bà yêu cầu ông Trường X1 di dời trụ điện, đường dây điện ra khỏi đất của bà. Trước đây, ông Trường X1 đã nhiều lần cam kết di dời đường dây và trụ điện nhưng đến nay ông vẫn không thực hiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Cụ thể, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Trường X1 và bà T2 có trách nhiệm liên đới di dời đường dây và trụ điện ra khỏi phần đất của bà H1.

- Bị đơn ông Lê Trường X1 trình bày:

Theo đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt ông Trường X1 trình bày: Do hiện nay không còn chỗ nào để di dời đường dây điện nên không thể di dời theo yêu cầu bà H1.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Hồng T2 có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt trình bày:

Đường nước (bao gồm cả trạm bơm, đường dây điện) là phần hùn giữa bà và ông Trường X1. Hiện nay, mọi ý kiến ông Trường X1 nêu ra bà hoàn toàn thống nhất và cam đoan không có thắc mắc hay khiếu nại gì về sau. Về phần cha bà là ông Lê Văn T4 hiện nay không còn liên quan đến đường nước.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2020/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 5 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228: Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 169, Điều 175; Điều 288 Bộ luật dân sự;

- Điều 166 Luật đất đai;

- Áp dụng Điều 6; Điều 9; điểm đ Điều 12; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H1 đối với ông Lê Trường X1, bà Lê Thị Hồng T2.

2. Buộc ông Lê Trường X1 và bà Lê Thị Hồng T2 có trách nhiệm di dời trụ điện bằng gỗ bề hoành 0,34m và đường dây điện dài 22,3m (dây đồng phi 90, ba dây) ra khỏi phần đất bà Nguyễn Thị H1 (thuộc thửa 2858, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại xã P.N, huyện T, tỉnh Đồng Tháp).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Trường X1 được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí.

- Bà Lê Thị Hồng T2 phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị H1 được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005820 ngày 09/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14 tháng 9 năm 2020, bị đơn ông Lê Trường X1 kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Lê Trường X1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Trường X1 là Luật sư Thái Quang T1 trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của ông X1 vì đường dây điện này ông X1 đã được ông T3 (cha chồng bà H1) cho sử dụng rất lâu trước khi bà H1 đứng tên quyền sử dụng đất và theo quy định tại Điều 255 Bộ luật dân sự thì ông X1 có quyền mắc đường dây điện qua bất động sản liền kề. Nghĩa là ông X1 có quyền mắc đường dây điện hợp lý qua đất của bà H1 theo quy định tại Điều 255 Bộ luật dân sự để phục vụ bơm nước cho bà con nông dân ở Tổ hợp tác số 2 xã P.N, huyện T, Đồng Tháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Trường X1; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 37/2020/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến phát biểu của vị Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định.

- Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Các đương sự có mặt tại phiên tòa ngày 22/01/2021.

[2] Theo nội dung kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm ông Lê Trường X1 kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sửa bản

án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T và cho ông X1 thuê đất của bà H1 để mắc đường dây điện để phục vụ tưới tiêu canh tác lúa của các hộ dân thuộc tổ hợp tác số 2, xã P.N, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

[3] Xét qua nội dung kháng cáo cũng như lời trình bày yêu cầu của ông Lê Trường X1 là không có căn cứ nên không được chấp nhận kháng cáo, bởi lẽ: Ông X1 kéo đường dây điện qua đất của bà H1 để phục vụ bơm nước là sự thỏa thuận miệng giữa cá nhân ông X1 với gia đình bà H1, không có lập thành văn bản, không có thỏa thuận thuê đất và cũng không có thỏa thuận thời hạn sử dụng. Do đó, việc bà H1 yêu cầu ông X1, bà T2 di dời trụ điện và đường điện ra khỏi phạm vi đất của bà H1 là có căn cứ chấp nhận. Đồng thời, đường dây điện này mắc bằng trụ cây nằm sát nhà và nằm trong vườn cây của bà H1 là rất nguy hiểm sẽ không bảo đảm an toàn cho gia đình bà H1. Mặt khác, tại Công văn số: 235/UBND ngày 15/6/2020 của Ủy ban nhân dân xã P.N, huyện T thì trường hợp buộc di dời đường dây điện ra khỏi đất bà H1 thì ông Trường X1 vẫn còn địa điểm khác để kéo đường dây điện và không ảnh hưởng gì đến việc phục vụ nước tưới tiêu cho bà con nông dân và ngoài Trạm bơm nước của ông Trường X1 ra còn có Hợp tác xã số 2 xã P.N vẫn có đủ điều kiện phục vụ nước sản xuất nông nghiệp tại Tổ hợp tác số 2. Đồng thời, vào ngày 20/12/2017 ông Trường X1 cam kết hết vụ hè thu năm 2018 sẽ di dời đường dây điện ra khỏi phạm vi đất của bà H1 nhưng đến nay ông X1 không thực hiện. Theo quy định tại Điều 175 Bộ luật dân sự quy định “Người sử dụng đất được sử dụng đất từ không gian đến lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất phù hợp với quy định pháp luật”. Việc ông Trường X1, bà T2 kéo đường dây điện qua phần đất của bà H1 mà không được sự đồng ý của bà H1 là vi phạm quyền sử dụng đất hợp pháp của bà H1. Do đó, bà H1 yêu cầu ông Trường X1 và bà T2 phải có nghĩa vụ di dời trụ điện và đường dây điện của ông X1, bà T2 ra khỏi phần đất của bà H1 là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Trường X1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 37/2020/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T đã xét xử là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[5] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Lê Trường X1 là không có cơ sở nên không được chấp nhận như Hội đồng xét xử đã nhận định và phân tích trên.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Lê

Trường X1 là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[7] Về án phí:

- Ông Lê Trường X1 được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm do thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí.

- Bà Lê Thị Hồng T2 phải nộp 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị H1 được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Các phần khác tại phần quyết định của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, Điều 147, Điều 148 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Trường X1.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2020/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H1 đối với ông Lê Trường X1, bà Lê Thị Hồng T2.

4. Buộc ông Lê Trường X1 và bà Lê Thị Hồng T2 có nghĩa vụ di dời trụ điện bằng gỗ bề hoành 0,34m và đường dây điện dài 22,3m (dây đồng phi 90, 03 dây) ra khỏi phần đất bà Nguyễn Thị H1 thuộc thửa 2858, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại xã P.N, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

5. Về án phí:

5.1. Ông Lê Trường X1 được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm do thuộc diện người cao tuổi.

5.2. Bà Lê Thị Hồng T2 phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5.3. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị H1 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005820 ngày 09/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

6. Các phần khác tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Ngọc Giao